BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9165 /BTC-NSNN	*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2016*
V/v đóng góp ý kiến vào dự thảo Thông tư quản lý ngân sách xã	

Kính gửi: Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 25/6/2015, Quốc hội đã thông qua Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13. Thực hiện chương trình xây dựng văn bản pháp luật hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước. Trên cơ sở nội dung dự thảo nghị định đã trình Chính phủ, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã, phường, thị trấn (đính kèm).

Để bảo đảm việc ban hành Thông tư ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định nói trên, làm cơ sở pháp lý thực hiện quản lý tài chính - ngân sách nhà nước từ năm 2017, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư và gửi lại Bộ Tài chính trước ngày 15/7/2016 để hoàn thiện, ban hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, NSNN.95

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Võ Thành Hưng

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định chi tiết nguồn thu, nhiệm vụ chi; quy trình quản lý ngân sách xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là xã) và tổ chức quản lý các hoạt động tài chính khác của xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã.

Điều 3. Phạm vi thu, chi ngân sách xã

1. Phạm vi thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giao chính quyền cấp xã quản lý, bao gồm: Thu từ thuế, phí, lệ phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước; các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã.

2. Thu ngân sách xã được hưởng bao gồm các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho ngân sách xã và các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên nguyên tắc tự nguyện để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý.

a) Thu ngân sách xã gồm các khoản thu phân cấp cho ngân sách xã hưởng 100%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã với ngân sách cấp trên, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

b) Đối với khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, xã không được đấu thầu thu khoán một lần cho nhiều năm làm ảnh hưởng đến việc cân đối ngân sách xã các năm sau; trường hợp thật cần thiết phải thu một lần cho một số năm, thì chỉ được thu trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, không được thu trước thời gian của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khoá sau, trừ trường hợp thu đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi chi ngân sách xã, bao gồm: chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh của Nhà nước, chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; chi hỗ trợ cho các tổ chức xã hội- nghề nghiệp được thành lập theo quy định khi các tổ chức này được Nhà nước giao nhiệm vụ.

4. Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn và Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của cấp xã; đồng thời phải phù hợp với trình độ, năng lực quản lý của chính quyền cấp xã.

2. Phù hợp với việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi chung là huyện).

3. Nguồn thu nào cấp xã quản lý thu tốt, gắn liền với hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã thì phân chia số thu nhiều cho cho cấp xã.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia một số khoản thu giao cho ngân sách xã không vượt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương do Quốc hội quyết định giao cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; riêng đối với các loại thuế, lệ phí theo quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách xã được hưởng số thu này, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách xã do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định;

5. Kết thúc mỗi kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương và số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có).

6. Khi phân cấp nguồn thu cho ngân sách xã phải căn cứ vào nhiệm vụ chi, khả năng thu ngân sách trên địa bàn; phân cấp tối đa nguồn thu tại chỗ, đảm bảo các xã có nguồn thu cân đối được nhiệm vụ chi thường xuyên, các xã có khả năng thu khá dành nguồn để chi đầu tư phát triển trên địa bàn; hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên, tăng số xã tự cân đối được ngân sách, giảm dần số xã phải nhận bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên.

Điều 5. Nguyên tắc cân đối ngân sách xã

1. Cân đối ngân sách xã phải bảo đảm nguyên tắc chi không vượt quá nguồn thu quy định; nghiêm cấm đi vay hoặc chiếm dụng vốn dưới mọi hình thức để cân đối ngân sách xã.

2. Dự toán chi ngân sách xã được bố trí mức dự phòng từ 2% đến 4% tổng số chi để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán. Uỷ ban nhân dân xã quyết định sử dụng dự phòng ngân sách xã và định kỳ 3 tháng báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp quỹ ngân sách xã thiếu hụt tạm thời, Uỷ ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện quyết định tạm ứng từ ngân sách cấp huyện và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp ngân sách cấp huyện không đáp ứng được, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh hoặc tạm ứng ngân sách cấp trên và phải hoàn trả trong năm ngân sách.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý ngân sách xã

1. Ngân sách xã do Uỷ ban nhân dân xã xây dựng và quản lý, Hội đồng nhân dân xã quyết định và giám sát.

2. Mọi khoản thu, chi ngân sách xã phải thực hiện quản lý qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các xã có khó khăn ở miền núi và vùng sâu, vùng khó khăn chưa có điều kiện quản lý toàn bộ các khoản

thu, chi trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước; Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cơ chế quản lý phù hợp và báo cáo Bộ Tài chính.

3. Các khoản thu, chi ngân sách xã phải hạch toán, kế toán và quyết toán theo Mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán của Nhà nước.

4. Ngân sách xã phải được công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý kinh phí ngân sách cấp trên ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã thực hiện

1. Rút kinh phí, chi tiêu như đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp trên.

2. Thực hiện quyết toán với cơ quan, đơn vị giao dự toán; không tổng hợp vào quyết toán ngân sách xã.

Điều 8. Hoạt động tài chính khác của xã

1. Hoạt động tài chính khác của xã theo quy định của pháp luật bao gồm: các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xã; tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã; tài chính thôn bản (các khoản thu, chi từ các khoản đóng góp của nhân dân trên nguyên tắc tự nguyện do thôn, bản huy động) và một số hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật. Xã được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để gửi các khoản tiền không thuộc phạm vi ngân sách xã. Kho bạc Nhà nước quản lý các khoản tiền gửi này theo chế độ tiền gửi.

2. Uỷ ban nhân dân xã tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động tài chính có liên quan đến các loại tài sản công của xã, tài sản của Nhà nước và tài sản khác theo chế độ quy định.

3. Các khoản thu, chi tài chính khác của xã phải hạch toán, kế toán rõ ràng, minh bạch chi tiết từng loại hoạt động theo chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH XÃ

Điều 9. Nguồn thu của ngân sách xã

Nguồn thu của ngân sách xã được hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp trong phạm vi nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng.

1. Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%: Là các khoản thu dành cho xã sử dụng toàn bộ để chủ động về nguồn ngân sách bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. Căn cứ quy mô nguồn thu, phân cấp quản lý kinh tế - xã hội và nguyên tắc đảm bảo tối đa nguồn tại chỗ cân đối cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; khi phân cấp nguồn thu, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét dành cho ngân sách xã hưởng 100% các khoản thu dưới đây:

a) Các khoản phí, lệ phí giao cho xã tổ chức thu theo quy định;

b) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do xã quản lý;

d) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện;

e) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo pháp luật quy định, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

h) Thu kết dư ngân sách xã năm trước;

i) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang;

k) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã, thị trấn với ngân sách cấp trên:

a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;

c) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

d) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

Căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi của xã, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu nêu trên cho ngân sách xã được hưởng đến 100%. Ngoài các khoản thu phân chia theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản này, ngân sách xã còn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thêm từ các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã:

a) Thu bổ sung để cân đối ngân sách là mức chênh lệch giữa dự toán chi cân đối theo phân cấp và dự toán thu từ các nguồn thu được phân cấp (các khoản thu 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm) được xác định cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã so với năm đầu thời kỳ ổn định.

b) Thu bổ sung có mục tiêu là các khoản thu để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ chi được giao bổ sung hoặc các chế độ chính sách mới phát sinh trong năm nhưng dự toán đầu năm chưa được cân đối nguồn để thực hiện.

4. Ngoài các khoản thu nêu tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, chính quyền xã không được đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã

1. Căn cứ phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, các chính sách, chế độ về hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã, khi phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách xã, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét giao cho ngân sách xã thực hiện các nhiệm vụ chi dưới đây:

2. Chi đầu tư phát triển gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Các khoản chi thường xuyên:

a) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

- Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ;

- Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã;

- Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

b) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ các lớp bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo, kể cả hỗ trợ cho giáo viên mẫu giáo và cô nuôi dạy trẻ do xã quản lý.

c) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ công tác khám, chữa bệnh trên địa bàn xã.

d) Chi hoạt động văn hoá, thông tin.

đ) Chi hoạt động phát thanh.

e) Chi hoạt động thể dục, thể thao.

g) Chi hoạt động bảo vệ môi trường.

k) Chi cho các hoạt động kinh tế bao gồm: sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng. Riêng đối với thị trấn còn có nhiệm vụ chi sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh.

Hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định.

l) Chi cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật:

- Chi cho hoạt động của các cơ quan nhà nước:

Tiền lương, tiền công cho cán bộ, công chức;

Phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân;

Các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước;

Công tác phí;

Chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết;

Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác;

Chi khác theo chế độ quy định.

- Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã.

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có).

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

m) Chi cho công tác xã hội do xã quản lý:

Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

n) Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức chi thường xuyên cho từng công việc phù hợp với tình hình đặc điểm và khả năng ngân sách địa phương.

Mục 2
QUY TRÌNH QUẢN LÝ NGÂN SÁCH XÃ

Điều 11. Lập dự toán ngân sách xã

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Uỷ ban nhân dân cấp trên, Uỷ ban nhân dân xã lập dự toán ngân sách năm sau (các biểu mẫu theo phụ lục số 1 đến phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này) trình Hội đồng nhân dân xã quyết định.

2. Căn cứ lập dự toán ngân sách xã:

a) Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của xã;

b) Chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

c) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

d) Số kiểm tra về dự toán ngân sách xã do Uỷ ban nhân dân cấp huyện thông báo;

đ) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm hiện hành và các năm trước;

e) Báo cáo dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách xã.

3. Trình tự lập, quyết định dự toán ngân sách xã:

a) Bộ phận tài chính kế toán xã phối hợp với cơ quan thuế hoặc đội thu thuế xã (nếu có) tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trong phạm vi phân cấp cho xã quản lý).

b) Các đơn vị, tổ chức thuộc Uỷ ban nhân dân xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi lập dự toán chi của đơn vị, tổ chức mình.

c) Bộ phận tài chính kế toán xã lập dự toán thu, chi và cân đối ngân sách xã trình Uỷ ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi gửi Uỷ ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp. Thời gian báo cáo dự toán ngân sách xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

d) Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện làm việc với Uỷ ban nhân dân xã về cân đối thu, chi ngân sách xã thời kỳ ổn định mới theo khả năng bố trí cân đối chung của ngân sách địa phương. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện chỉ tổ chức làm việc với Uỷ ban nhân dân xã về dự toán ngân sách khi có đề nghị của Uỷ ban nhân dân xã.

đ) Quyết định dự toán ngân sách xã: Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân xã hoàn chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao quản lý, thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã thẩm tra, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định theo thời hạn do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Sau khi dự toán ngân sách xã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Uỷ ban nhân dân xã báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

4. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hàng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi.

Uỷ ban nhân dân xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Chấp hành dự toán ngân sách xã

1. Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Uỷ ban nhân dân xã phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận (mẫu biểu theo phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã (hoặc người được uỷ quyền) là chủ tài khoản thu, chi ngân sách xã.

3. Xã có quỹ tiền mặt tại xã để thanh toán các khoản chi có giá trị nhỏ. Riêng những xã ở xa Kho bạc Nhà nước, điều kiện đi lại khó khăn, chưa thể thực hiện việc nộp trực tiếp các khoản thu của ngân sách xã vào Kho bạc Nhà nước thì được thu và chi tại xã, định kỳ làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi vào ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

4. Tổ chức thu ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán xã có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thuế đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời.

b) Tổ chức, đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách, căn cứ vào thông báo thu của cơ quan thu hoặc của Ủy ban nhân dân xã, thực hiện nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản. Đối với các khoản thu ngân sách do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thu, thì định kỳ phải nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định. Việc kê khai, nộp thuế và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định phải hoàn trả khoản thu ngân sách xã, Kho bạc Nhà nước xác nhận rõ số tiền đã thu vào ngân sách xã của các đối tượng nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản vào Kho bạc Nhà nước; đối với đối tượng nộp qua cơ quan thu thì cơ quan thu xác nhận để Ủy ban nhân dân xã làm căn cứ hoàn trả.

d) Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện như sau:

- Đối với các khoản thu ngân sách xã được hưởng 100%, Kho bạc Nhà nước chuyển một liên chứng từ thu cho Ủy ban nhân dân xã.

- Đối với các khoản thu phân chia với ngân sách cấp trên, Kho bạc Nhà nước lập Bảng kê các khoản thu ngân sách có phân chia cho xã, gửi Ủy ban nhân dân xã.

- Đối với số thu bổ sung từ ngân sách huyện cho ngân sách xã.

Hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã chủ động rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để đảm bảo cân đối ngân sách cấp mình; mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm.

Riêng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm), căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, Uỷ ban nhân dân cấp trên quy định việc rút dự toán của ngân sách xã cho phù hợp thực tế ở địa phương.

Căn cứ giấy rút dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu số C2-11/NS đính kèm Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 của Bộ Tài chính); Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các điều kiện: đã có trong dự toán được giao, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung khoản bổ sung và Mục lục ngân sách nhà nước.

Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân xã phải có văn bản đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện xem xét, giải quyết.

5. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

a) Các tổ chức, đơn vị thuộc xã:

- Chi đúng dự toán được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, đối tượng và tiết kiệm, có hiệu quả.

- Lập dự toán sử dụng kinh phí hàng quý (có chia tháng) gửi Ủy ban nhân dân xã. Khi có nhu cầu chi, các đơn vị, tổ chức làm các thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân xã rút tiền tại Kho bạc Nhà nước hoặc quỹ tại xã để thanh toán.

- Chấp hành đúng quy định về thanh toán và quyết toán sử dụng kinh phí với Ủy ban nhân dân xã.

b) Bộ phận tài chính kế toán xã:

- Thẩm tra nhu cầu sử dụng kinh phí của các đơn vị, tổ chức.

- Bố trí nguồn theo dự toán năm để đáp ứng nhu cầu chi, trường hợp nhu cầu chi lớn hơn thu tại một thời điểm, cần có biện pháp đề nghị cấp trên tăng tiến độ

cấp bổ sung hoặc tạm thời sắp xếp lại nhu cầu chi phù hợp với nguồn thu, theo nguyên tắc đảm bảo chi lương và các khoản chi có tính chất lương đầy đủ, kịp thời.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi ngân sách, sử dụng tài sản của các đơn vị sử dụng ngân sách, phát hiện và báo cáo đề xuất kịp thời với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã về những vi phạm chế độ, tiêu chuẩn, định mức để có biện pháp đảm bảo thực hiện mục tiêu và tiến độ quy định.

c) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã hoặc người được uỷ quyền quyết định chi:

Việc quyết định chi phải theo đúng chế độ, tiêu chuẩn và mức chi trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Người ban hành quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ và tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Điều kiện chi ngân sách:

Việc thực hiện chi phải bảo đảm các điều kiện:

+ Đã được ghi trong dự toán được giao, trừ trường hợp đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phân bổ dự toán chưa được cấp có thẩm quyền quyết định và các khoản chi từ nguồn tăng thu, nguồn dự phòng ngân sách;

+ Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định;

+ Đối với chi đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;

+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã hoặc người được uỷ quyền quyết định chi thông qua ký duyệt giấy rút dự toán hoặc lệnh chi tiền theo quy định (gọi tắt là chứng từ chi) hoặc tạm ứng kinh phí bằng Giấy đề nghị tạm ứng.

+ Đối với các khoản mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị lớn phải thực hiện đấu thầu theo quy định.

đ) Quy trình chi ngân sách xã:

- Căn cứ vào dự toán chi cả năm, tiến độ công việc, bộ phận tài chính kế toán xã làm thủ tục chi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được uỷ quyền quyết định gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật. Trên chứng từ chi phải ghi cụ thể, đầy đủ chương, loại, khoản, mục, tiểu mục theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước, kèm theo Bảng kê chứng từ chi (theo mẫu phụ lục số 14 kèm theo Thông tư này), tài liệu chứng minh. Trường hợp thanh toán một lần có nhiều chương, thì lập thêm Bảng kê chi, chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước (theo mẫu phụ lục số 15 kèm theo Thông tư này), trên Bảng kê ghi rõ số hiệu, ngày tháng

của chứng từ chi, đồng thời trên chứng từ chi phải ghi rõ số hiệu của Bảng kê, tổng số tiền.

- Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, sử dụng chừng từ chi bằng tiền mặt. Kho bạc Nhà nước kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì thực hiện thanh toán cho khách hàng hoặc người được sử dụng.

- Trong những trường hợp thật cần thiết, như tạm ứng công tác phí, ứng tiền trước cho khách hàng, cho nhà thầu theo hợp đồng, chuẩn bị hội nghị, tiếp khách, mua sắm nhỏ,... được tạm ứng để chi. Trong trường hợp này, trên chứng từ chi chỉ ghi tổng số tiền cần tạm ứng. Khi thanh toán tạm ứng phải có đủ chứng từ hợp lệ, bộ phận tài chính kế toán xã phải lập Bảng kê chứng từ chi (theo mẫu phụ lục số 14 kèm theo Thông tư này) và Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (theo mẫu phụ lục số 16 kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm thủ tục chuyển tạm ứng sang thực chi ngân sách.

- Các khoản thanh toán ngân sách xã cho các đối tượng thụ hưởng phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản (trừ trường hợp được phép chi bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước).

- Đối với các khoản chi từ các nguồn thu được giữ lại tại xã, công chức kế toán – tài chính xã phối hợp với Kho bạc Nhà nước định kỳ làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi vào ngân sách xã; khi làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi phải kèm theo Bảng kê chứng từ thu và Bảng kê chứng từ chi theo đúng chế độ quy định.

e) Chi thường xuyên:

- Ưu tiên chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ công chức xã, nghiêm cấm việc nợ lương và các khoản phụ cấp.

- Các khoản chi thường xuyên khác phải căn cứ vào dự toán năm, khối lượng thực hiện công việc, khả năng của ngân sách xã tại thời điểm chi để thực hiện chi cho phù hợp.

g) Chi đầu tư phát triển:

- Việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách xã phải thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách xã thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

- Đối với dự án đầu tư bằng nguồn đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện, ngoài các quy định chung cần phải bảo đảm:

Mở sổ sách theo dõi và phản ánh kịp thời mọi khoản đóng góp bằng tiền, ngày công lao động, hiện vật của nhân dân.

Quá trình thi công, nghiệm thu và thanh toán phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo chế độ quy định.

- Chi xây dựng cơ bản phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật đầu tư công, xây dựng và các quy định về tài chính theo chế độ quy định; nghiêm cấm việc nợ đọng xây dựng cơ bản, chiếm dụng vốn dưới mọi hình thức.

Điều 13. Kế toán và quyết toán ngân sách xã

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác hạch toán kế toán và quyết toán ngân sách xã theo Mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán ngân sách xã hiện hành; thực hiện chế độ báo cáo kế toán và quyết toán theo quy định. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác kế toán thu, chi quỹ ngân sách xã theo quy định; định kỳ hàng tháng, quý báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã, tồn quỹ ngân sách xã gửi Uỷ ban nhân dân xã theo quy định; và báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân xã.

2. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách xã kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Để thực hiện công tác khoá sổ và quyết toán hàng năm, Uỷ ban nhân dân xã thực hiện các việc sau đây:

a) Ngay trong tháng 12 phải rà soát tất cả các khoản thu, chi theo dự toán, có biện pháp thu đầy đủ các khoản phải thu vào ngân sách và giải quyết kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán. Trường hợp có khả năng hụt thu phải chủ động có phương án sắp xếp lại các khoản chi để đảm bảo cân đối ngân sách xã.

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu tất cả các khoản thu, chi ngân sách xã trong năm, bảo đảm hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản thu, chi theo Mục lục ngân sách nhà nước, kiểm tra lại số thu được phân chia giữa các cấp ngân sách theo tỉ lệ quy định.

c) Đối với các khoản tạm thu, tạm giữ, tạm vay (nếu có) phải xem xét xử lý hoặc hoàn trả, trường hợp chưa xử lý được, thì phải làm thủ tục chuyển sang năm sau.

d) Các khoản thu, chi phát sinh vào thời điểm cuối năm được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các khoản thu phải nộp chậm nhất trước cuối giờ làm việc ngày 31 tháng 12, nếu nộp sau thời hạn trên phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

- Nhiệm vụ chi được bố trí trong dự toán ngân sách năm, chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó, các khoản chi có trong dự toán đến hết 31 tháng 12 chưa thực hiện, không được chuyển sang năm sau chi tiếp, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

4. Quy trình quyết toán ngân sách xã hàng năm:

a) Ủy ban nhân dân xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã hàng năm (các biểu mẫu theo phụ lục số 7 đến phụ lục số 13 kèm theo Thông tư này) báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã để thẩm tra, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, đồng thời gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để tổng hợp. Thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

b) Quyết toán chi ngân sách xã không được lớn hơn quyết toán thu ngân sách xã. Kết dư ngân sách xã là số chênh lệch lớn hơn giữa số thực thu và số thực chi ngân sách xã. Toàn bộ kết dư năm trước (nếu có) được chuyển vào thu ngân sách năm sau.

c) Sau khi Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán được lập thành 05 bản để gửi cho Hội đồng nhân dân xã, Uỷ ban nhân dân xã, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (để làm thủ tục ghi thu kết dư ngân sách), lưu bộ phận tài chính kế toán xã.

d) Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, trường hợp có sai sót phải báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát, công khai hoạt động ngân sách xã

a) Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện thu, chi ngân sách xã.

b) Các cơ quan tài chính cấp trên thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn công tác quản lý ngân sách xã.

c) Giám sát ngân sách của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước.

d) Công khai tài chính – ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Mục 3
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC CỦA XÃ

Điều 15. Các quỹ công chuyên dùng của xã

1. Các quỹ công chuyên dùng của xã quy định tại Thông tư này là các quỹ tài chính được phép thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của nhân dân do thôn, bản huy động đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định nhưng không đưa vào ngân sách xã theo chế độ quy định. Nội dung, mức và phương thức quản lý thu, chi quỹ thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng quỹ và quy định của Hội đồng nhân dân xã.

2. Bộ phận tài chính kế toán xã có nhiệm vụ giúp Uỷ ban nhân dân xã quản lý các quỹ trên (thực hiện thu, chi; tổ chức hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định,...). Kinh phí của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

3. Uỷ ban nhân dân xã phải báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của từng quỹ cho Hội đồng nhân dân xã, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

Điều 16. Hoạt động tài chính các sự nghiệp của xã

1. Hoạt động tài chính các sự nghiệp của xã bao gồm: các hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao, các hoạt động quản lý đò, chợ, đầm hồ ao, đất đai, tài nguyên, bến bãi,... do Uỷ ban nhân dân xã trực tiếp đứng ra tổ chức và quản lý theo chế độ quy định.

2. Mọi hoạt động tài chính các sự nghiệp của xã được tổ chức quản lý thống nhất theo nguyên tắc:

a) Uỷ ban nhân dân xã giao cho các ban, ngành, tổ chức của xã trực tiếp thực hiện từng loại sự nghiệp. Các ban, ngành, tổ chức trên phải lập kế hoạch tài chính hàng năm, trình Uỷ ban nhân dân xã duyệt, trong kế hoạch tài chính phải tính toán đầy đủ các khoản thu, các khoản chi; số phải nộp ngân sách xã hoặc số hỗ trợ từ ngân sách xã theo chế độ quy định (nếu có). Uỷ ban nhân dân xã có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo kế hoạch tài chính và kết quả tài chính hàng năm của từng hoạt động sự nghiệp trình Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân xã giám sát các hoạt động sự nghiệp này.

b) Bộ phận tài chính kế toán xã giúp Uỷ ban nhân dân xã quản lý tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã (hướng dẫn các đơn vị được giao thực hiện các hoạt động sự nghiệp trong việc tổ chức hạch toán và quyết toán thu, chi; thực

hiện chế độ báo cáo tài chính phù hợp với từng hoạt động, kiểm tra thường xuyên và đột xuất tình hình tài chính của các hoạt động này,...).

Điều 17. Các hoạt động tài chính của thôn, bản

1. Các khoản đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của nhân dân để sử dụng vào các mục đích cụ thể phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng thôn, bản do thôn, bản trực tiếp huy động và không đưa vào ngân sách xã.

2. Việc huy động chỉ được thực hiện sau khi có sự thống nhất, tự nguyện của nhân dân về chủ trương, mức huy động và phải báo cáo Uỷ ban nhân dân xã. Thôn, bản phải cử người mở sổ sách ghi chép đầy đủ, cụ thể các khoản thu, chi và công khai với nhân dân kết quả huy động, kết quả sử dụng các nguồn tài chính trên. Thôn, bản chỉ thu, chi theo từng nội dung công việc cụ thể. Trường hợp tiền huy động chưa sử dụng tới, thôn, bản có thể nhờ xã gửi vào tài khoản tiền gửi của xã tại Kho bạc Nhà nước. Bộ phận tài chính kế toán xã có nhiệm vụ giúp Uỷ ban nhân dân xã hướng dẫn, kiểm tra (khi cần thiết) về tài chính đối với hoạt động tài chính thôn, bản.

Điều 18. Các hoạt động tài chính khác của xã

1. Hoạt động tài chính của các tổ chức Đảng, đoàn thể được quản lý theo điều lệ của từng tổ chức, không đưa vào ngân sách xã và không thuộc các hoạt động tài chính khác của Uỷ ban nhân dân xã. Các tổ chức Đảng, đoàn thể ở xã phải cử người mở sổ sách theo dõi cụ thể từng khoản thu, chi; tự tổ chức thu, chi và thực hiện chế độ báo cáo, công khai tài chính theo qui định của từng tổ chức.

2. Các khoản thu hộ, chi hộ: gồm các khoản thu, chi thuộc nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan khác nhờ xã thu, chi hộ (học phí, các khoản đóng góp cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...). Bộ phận tài chính kế toán xã giúp Uỷ ban nhân dân xã thực hiện các khoản thu hộ, chi hộ theo chế độ quy định hiện hành, không được sử dụng các khoản thu hộ, chi hộ sai mục đích và phải mở sổ sách để theo dõi riêng, cụ thể từng khoản thu hộ, chi hộ này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Căn cứ vào quy định của Thông tư này, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cho phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, đồng thời chỉ đạo cơ quan tài chính

cấp tỉnh, chính quyền và cơ quan tài chính cấp huyện tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý ngân sách và quản lý các hoạt động tài chính khác của xã; giải quyết, xử lý kịp thời những vướng mắc, sai phạm phát sinh trong quá trình thực hiện của xã.

2. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phải bố trí đủ cán bộ đã được đào tạo theo tiêu chuẩn để quản lý tài chính - ngân sách xã, đồng thời thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã để bảo đảm đủ năng lực quản lý tài chính - ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Việc tuyển chọn và thay thế cán bộ đối với chức danh của bộ phận tài chính kế toán, thủ quỹ xã thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Uỷ ban nhân dân các cấp có kế hoạch cụ thể từng bước củng cố bộ phận tài chính kế toán của các xã để xã thực hiện tốt chức năng giúp Uỷ ban nhân dân xã quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã theo chế độ quy định. Chức danh và số lượng cán bộ của bộ phận tài chính kế toán xã căn cứ vào khối lượng công việc, quy mô thu, chi và định biên được Chính phủ quy định.

Điều 20. Bộ phận tài chính kế toán xã và trách nhiệm của bộ phận tài chính kế toán xã

1. Phụ trách kế toán phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tối thiểu trung cấp tài chính kế toán. Người phụ trách kế toán có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quản lý hoạt động thu, chi ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã; thực hiện công tác kế toán, quyết toán ngân sách xã và các quỹ của xã. Đối với những xã quy mô lớn, quản lý phức tạp, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện có thể cho phép xã được bố trí thêm một cán bộ tài chính kế toán làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hiện hành.

2. Thủ quỹ có nhiệm vụ quản lý quỹ tiền mặt của xã (đối với xã có quy mô thu chi nhỏ có thể sử dụng cán bộ kiêm nhiệm, nhưng cán bộ kế toán xã không được kiêm nhiệm thủ quỹ).

Chương IV
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 và thay thế Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã, phường, thị trấn.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước, Cục Hải quan các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục	Nội dung
Phụ lục 1	Biểu cân đối tổng hợp dự toán ngân sách xã
Phụ lục 2	Tổng hợp dự toán thu ngân sách xã
Phụ lục 3	Tổng hợp dự toán chi ngân sách xã
Phụ lục 4	Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản
Phụ lục 5	Biểu tổng hợp kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác
Phụ lục 6	Phân bổ dự toán chi ngân sách
Phụ lục 7	Biểu cân đối quyết toán ngân sách xã
Phụ lục 8	Tổng hợp quyết toán thu ngân sách xã
Phụ lục 9	Tổng hợp quyết toán chi ngân sách xã
Phụ lục 10	Quyết toán thu ngân sách xã
Phụ lục 11	Quyết toán chi ngân sách xã
Phụ lục 12	Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản
Phụ lục 13	Biểu tổng hợp thực hiện thu, chi các hoạt động tài chính khác
Phụ lục 14	Bảng kê chứng từ chi
Phụ lục 15	Bảng kê chi ngân sách
Phụ lục 16	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục 1

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU		**TỔNG SỐ CHI**	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	
III. Thu bổ sung		III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách			
- Bổ sung có mục tiêu			

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 2

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		DỰ TOÁN NĂM		% SO SÁNH DT/ƯTH	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
TỔNG THU						
I. Các khoản thu 100%						
- Phí, lệ phí						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyên của các tổ chức, cá nhân						
- Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
- Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang						
- Thu khác						
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1. Các khoản thu phân chia						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
-						
-						
.....						
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP)..... .....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).. .....

Phụ lục số 3

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT		
	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
TỔNG CHI									
1. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự									
- Chi dân quân tự vệ									
- Chi an ninh trật tự									
2. Lĩnh vực giáo dục									
3. Lĩnh vực y tế									
4. Lĩnh vực văn hoá, thông tin									
5. Lĩnh vực phát thanh									
6. Lĩnh vực thể dục thể thao									
7. Lĩnh vực bảo vệ môi trường									
8. Các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, dịch vụ									
- Các hoạt động kinh tế khác									
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
Trong đó: Quỹ lương									
9.1. Quản lý Nhà nước									
9.2. Đảng Cộng sản Việt Nam									
9.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam									
9.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM									
9.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ									
9.6. Hội Cựu chiến binh									
9.7. Hội Nông dân									
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
10. Chi bảo đảm xã hội									
- Hưu xã và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nưa tựa, cứu tế xã hội									
- Khác									
11. Chi khác									
12. Dự phòng									

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận. thị xã. TP).....
Xã (phường. thị trấn).....

Phụ lục số 4

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (1)

Năm .....

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm....			
								Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1/ Công trình chuyển tiếp									
-									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
2/ Công trình khởi công mới									
-									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
-									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp tỉnh

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 5

BIỂU TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
Năm.....

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC			KẾ HOẠCH NĂM ...		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
-						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+						

Ghi chú: *Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi*
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 6

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm .....

Đơn vị: 1000 đồng

Chương	Loại	Khoản	Mục	Dự toán

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số):

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ):

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 7

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU		**TỔNG SỐ CHI**	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		I. Chi thường xuyên	
III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu		III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách			

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 8

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		% SO SÁNH QT/DT	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
TỔNG THU						
I. Các khoản thu 100%						
- Phí, lệ phí						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyên của các tổ chức, cá nhân						
- Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
- Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang						
- Thu khác						
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1. Các khoản thu phân chia						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
-						
-						
.....						
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 9

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT		
	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
I	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
TỔNG CHI									
1. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự									
- Chi dân quân tự vệ									
- Chi an ninh trật tự									
2. Lĩnh vực giáo dục									
3. Lĩnh vực y tế									
4. Lĩnh vực văn hoá, thông tin									
5. Lĩnh vực phát thanh									
6. Lĩnh vực thể dục thể thao									
7. Lĩnh vực bảo vệ môi trường									
8. Các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, dịch vụ									
- Các hoạt động kinh tế khác									
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
Trong đó: Quỹ lương									
9.1. Quản lý Nhà nước									
9.2. Đảng Cộng sản Việt Nam									
9.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam									
9.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM									
9.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ									
9.6. Hội Cựu chiến binh									
9.7. Hội Nông dân									
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
10. Chi bảo đảm xã hội									
- Hưu xã và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nưa tựa, cứu tế xã hội									
- Khác									
11. Chi khác									
12. Dự phòng									

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 10

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

Chương	Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Quyết toán

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng số):

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng chữ):

Ngày .... tháng .... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 11

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm .....

Đơn vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Quyết toán

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng số):

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng chữ):

Ngày .... tháng .... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 12

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (1)

Năm .....

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/...	Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/....			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ								
1/ Công trình chuyển tiếp								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								
2/ Công khởi công mới								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp tỉnh

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

Phụ lục số 13

BIỂU TỔNG HỢP
THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm .....

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM ...			THỰC HIỆN NĂM ...		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
-						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+						

Ghi chú: *Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi*
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

TM. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP)..............................
Huyện (quận, thị xã, TP)......
Xã (phường, thị trấn)...........

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI

Kèm theo Giấy rút dự toán/Lệnh chi tiền số .... ngày ..... tháng ...... năm .... mã số ....

Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
Số	Ngày/tháng		

Tổng số tiền (bằng chữ)...
....

Tổng số tiền (bằng số)

Ngày .... tháng .... năm ....

Bộ phận tài chính kế toán xã

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP)...
Huyện (quận, thị xã, TP)..................
Xã (phường, thị trấn)........................

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 15

Niên độ:....

BẢNG KÊ CHI NGÂN SÁCH

Số .... Ngày ....tháng.......năm.....

Kèm theo Giấy rút dự toán/Lệnh chi tiền số .... ngày ....tháng......năm..... Mã số ......

Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số tiền	Trong đó	
						Tiền mặt	Chuyển khoản

Tổng số tiền (bằng chữ)..
....

Tổng số tiền (bằng số)	

Ngày .... tháng .... năm ....

Bộ phận tài chính kế toán xã

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn

(ký tên đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 16

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG

Kính gửi: Kho bạc nhà nước .....

Đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán số tiền đã tạm ứng theo chi tiết dưới đây:

Phần đã tạm ứng		Số đề nghị thanh toán					Số tiền đề nghị thanh toán	Số KBNN thanh toán
Số Chứng từ chi tạm ứng	Số tiền tạm ứng	C	L	K	M	TM		
Tổng số								

Số tiền đề nghị thanh toán bằng chữ: .....
.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Bộ phận tài chính kế toán xã

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã
(ký tên và đóng dấu)

Phần KBNN ghi

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đồng ý thanh toán cho đơn vị số tiền:
Bằng chữ: ..... *Bằng số:*.....
.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Kế toán viên ***Kế toán trưởng*** ***Giám đốc Kho bạc nhà nước***